TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **--------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc **----------**

Bản án số: **181**/2019/HSST
Ngày: 12/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ***Ông Nguyễn Văn Chương***

Các Hội thẩm nhân dân : ***1. Ông Trương Văn Minh***

2. Ông Nguyễn Anh Đức

Thư ký phiên tòa: ***Bà Phạm Thị Trang*** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Duy Hùng - KSV.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 174/2019/HSST ngày 03/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2019/QĐXXST - HS ngày 25/10/2019 đối với bị cáo:

TRẦN QUANG V, sinh năm 1996.

Nơi ĐKNKTT: Xóm 10, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: Đội x, xã N, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T, con bà Đặng Thị H; Tiền sự: không; Tiền án: không; Danh, chỉ bản số 0197 lập ngày 25/3/2019 tại Công an huyện T. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

*** Bị hại: Ông Nguyễn Tiến M, sinh năm 1973 (đã chết)**

Đại diện hợp pháp: Bà Khúc Thị X (sinh năm 1974) là vợ ông M và chị Nguyễn Thu H (sinh năm 1999) là con ông M.

Địa chỉ: Xóm x, xã Y, huyện T, Hà Nội

(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Ngọc K, sinh năm 1969.** Địa chỉ: Xóm x, Thôn x, xã Y, huyện T, Hà Nội (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Ngọc K (Sinh năm: 1969) làm nghề kinh doanh vật liệu xây dựng, tại xóm x, thôn x, xã Y, huyện T, Hà Nội. Ông K là chủ sở hữu 01 xe ba bánh tự chế (loại xe công nông; không biển kiểm soát; không có đăng ký và chứng nhận kiểm định) và sử dụng để chuyên chở nguyên vật liệu xây dựng cho khách hàng. Khoảng đầu tháng 4/2018, Trần Quang V đến làm việc cho ông K, tại bãi vật liệu xây dựng của ông K. Công việc chính của V là cùng anh Nguyễn Tiến M (Sinh năm: 1973; HKTT: Xóm x, thôn x, xã Y, huyện T, Hà Nội) chuyển vật liệu xây dựng lên xe công nông để ông K chở đến cho khách hàng và bốc dỡ vật liệu xây dựng ra khỏi xe công nông. Thỉnh thoảng, khi có việc bận ông K nhờ V điều khiển xe công nông chở vật liệu xây dựng đến cho khách hàng, anh M sẽ đi cùng chỉ đường và cùng V bốc dỡ vật liệu xây dựng xuống.

Khoảng 07h ngày 29/4/2018, do có việc bận nên ông K gọi điện cho anh M bảo V chở 01 chuyến gạch (500 viên) và 01 chuyến cát (01 m^3 cát) đến nhà ông Nguyễn Đức T (Sinh năm: 1956), ở xóm x, thôn x, xã Y, huyện T, Hà Nội. Sau khi nghe điện, anh M nói lại với V và cùng V đưa vật liệu lên xe công nông. Sau đó, V điều khiển xe công nông chở 01 chuyến cát và 01 chuyến gạch cho ông Thái. Sau khi chở vật liệu xây dựng cho nhà ông T xong, V điều khiển xe công nông đi về bãi vật liệu xây dựng. Đến khoảng 8h cùng ngày, ông K gọi điện cho anh M bảo: anh M bốc 01 tấn ximăng (20 bao ximăng) lên xe công nông để ông Khiêm chở đến cho ông Đặng Văn S (Sinh năm: 1955), ở thôn x, xã Y, huyện T, Hà Nội; do đường đến nhà ông S có dốc và đường trơn nên ông K bảo để ông trực tiếp đi chở, còn anh M đi phụ cho ông K. Mặc dù, nghe ông K nói như vậy nhưng anh M vẫn bảo với V chở ximăng cho khách hàng. Sau đó, V và anh M bàn với nhau chở 02 tấn ximăng (40 bao ximăng) cho nhà ông S để không phải bốc dỡ nhiều lần. V điều khiển xe công nông chở 02 tấn ximăng (40 bao ximăng) và cùng anh M đến bàn giao vật liệu xây dựng cho nhà ông S. Trên đường về, V điều khiển xe công nông (không còn hàng trên xe), còn anh M ngồi trong thùng xe phía sau và bám vào thành xe. Lúc này, trời sáng, có mưa nhỏ. V điều khiển xe đi trên đường liên thôn thuộc xã Y, theo hướng từ kênh xả Y đi UBND xã Y với tốc độ khoảng 40 đến 50km/h, và đi sát lề đường bên phải theo chiều đi. Khi gần đến ngã 3 đường đi vào thôn 4 và thôn 6 xã Y, V không cho xe giảm tốc độ nên không làm chủ được tay lái và đã đánh lái sang bên trái không đảm bảo an toàn, dẫn đến xe công nông do V điều khiển lao về phía vệ cỏ, dốc đường bên trái theo hướng di chuyển của xe công nông. Thấy xe công nông sắp lao xuống dốc đường, V hô anh M nhảy ra khỏi xe công nông, rồi V nhảy ra khỏi xe công nông. Do anh M không kịp nhảy ra khỏi xe công nông nên đã cùng xe công nông lao xuống dốc bên trái đường. Xe công nông va chạm vào hàng rào sắt và đổ nghiêng sang bên phải. Anh M ngã ra và bị thương tích, nằm cạnh xe ba bánh. V chạy xuống bế anh M lên mặt đường, rồi gọi thông báo cho ông Khiêm về vụ tai nạn. Khoảng 10' sau, ông K đến và đưa anh M đi cấp cứu, tại bệnh viện đa khoa N. Do thương tích nặng nên anh

M được chuyển đến bệnh viện VĐ và tử vong sau đó. Sau khi ông K đưa anh M đi cấp cứu, V cảm thấy bị đau do va chạm với mặt đường khi nhảy ra khỏi xe nên về nhà nằm nghỉ. Cùng ngày, V đến Cơ quan Công an để làm việc.

Khoảng 09h15' cùng ngày, anh Nguyễn Đức H (Sinh năm: 1974; HKTT: Thôn 1, xã Y, huyện T, Hà Nội) lái xe máy xúc đi qua khu vực xảy ra tai nạn thấy chiếc xe công nông đang bị đổ nghiêng vào hàng rào sắt của dự án vui chơi trẻ em xã Y nhưng không thấy ai ở hiện trường nên đã dùng máy xúc đưa chiếc xe công nông trên lên mặt đường.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ 01 xe ba bánh tự chế (loại xe công nông; không BKS; không có đăng ký và chứng nhận kiểm định).

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện:

- Hiện trường xảy ra vụ tai nạn là đường liên thôn xã Y từ kênh xã Y đi UBND xã Y là đường hai chiều, mặt đường bê tông rộng 5m. Đường vào xóm 4 và xóm 6 là đường 2 chiều mặt đường bê tông rộng 5m. Hiện trường không còn nguyên vẹn: phương tiện liên quan đã được đưa đi khỏi hiện trường. Điểm mốc là mép đường bên phải đường vào xóm 4 và xóm 6. Mép đường chuẩn là mép đường bên phải đường liên thôn xã Y, theo chiều UBND xã Y đi kênh xã Y.

- Vết lốp xe (1) dài 0m90, đầu vết hướng kênh xã Y, cuối vết dự án khu vui chơi. Đo từ đầu vết vào mép đường chuẩn được 1m65, đồng thời đo ngang điểm mốc được 2m70. Đo từ cuối vết vào mép đường chuẩn được 2m.

- Vết lốp xe (2) dài 0m95, đầu vết hướng kênh xã Y, song trùng với cuối vết lốp xe (1). Cuối vết hướng dự án khu vui chơi, đo từ đầu vết vào mép đường chuẩn được 1m45, đo từ cuối vết vào mép đường chuẩn được 1m65;

- Đám đất đá bị cày xới kích thước 3mx1m80. Đo từ tâm vào mép đường chuẩn được 2m70. Đồng thời đo ngang đến đầu vết lốp xe (2) được 4m90;

- Hàng rào bị hư hỏng dài 12m. Đo từ điểm gần nhất của mép hàng rào vào mép đường chuẩn được 6m40, đồng thời đo từ điểm gần nhất vào điểm mốc được 5m30.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện T đã ban hành các Quyết định trưng cầu giám định về dấu vết va chạm trên phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông; hệ thống phanh lái của xe ba bánh tự chế (xe công nông) và nguyên nhân tử vong của anh Nguyễn Tiến M.

Tại bản kết luận giám định số 2688/C54(P3) ngày 31/5/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

- Dấu vết biến dạng kim loại, hằn, trượt xước, bám dính chất màu đỏ (dạng sơn) ở mặt ngoài bầu giảm thanh ống xả bên phải xe ba bánh tự lắp ráp (không biển số) có đặc điểm giống đặc điểm của dấu vết hình thành do va chạm với cột kim loại được sơn màu đỏ.

- Dấu vết trượt xước, bám dính chất màu nâu (dạng đất, cỏ) ở mặt ngoài bên trái đầu trục khuỷu nối với vô lăng xe ba bánh tự lắp ráp (không biển số) có đặc điểm của dấu vết hình thành do va chạm với nền đất.

- Không xác định được tốc độ của xe ba bánh tự lắp ráp (không biển số) ngay trước khi xảy ra tai nạn.

Tại bản kết luận giám định số 2585/C54-P2 ngày 12/6/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Hệ thống phanh và hệ thống lái của xe ba bánh trước khi xảy ra tai nạn không bị hư hỏng, còn tác dụng.

Tại bản kết luận giám định số 81/18/GĐPY ngày 20/7/2018 của giám định viên Lưu Sỹ H, kết luận: Nạn nhân Nguyễn Tiến M 45 tuổi tử vong do suy hô hấp - suy tuần hoàn hậu quả của đa chấn thương ngực - bụng nặng có mảng sườn di động trái, tràn máu tràn khí màng phổi trái, đụng dập nhu mô phổi trái, chấn thương lách, chấn thương thận.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Quang V khai: Sau khi chở xi măng cho nhà ông S xong và đi về, V điều khiển xe công nông, chở anh M ngồi trong thùng xe phía sau và bám vào thành xe công nông đi trên đường. Lúc này, trời sáng và có mưa nhỏ. Vinh điều khiển xe đi trên đường với tốc độ nhanh khoảng 40 - 50km/h đi trên đường liên thôn Y, hướng từ kênh xả Y đi UBND xã Y. Khi gần đến ngã 3 đường đi vào thôn 4 và thôn x, xã Y, V thấy sát mép đường bên phải theo chiều đi của V có rải rác đất vụn, trời vẫn đang mưa nhỏ, đường ướt nhưng V không giảm tốc độ xe công nông, mà vẫn điều khiển xe với tốc độ nhanh. Ngay sau đó, V thấy bánh sau, bên phải của xe công nông bị trượt sang phải theo chiều đi của xe. V nghĩ có thể bánh xe công nông đã dính đất nên bị trượt đi. V liền đánh lái sang phải để lấy cân bằng xe và đạp nháy phanh để giảm tốc độ thì thấy bánh xe phía sau, bên trái có cảm giác bênh lên. V liền đánh lái sang bên trái để lấy cân bằng và đạp nháy phanh để giảm tốc độ thì thấy hệ thống lái và phanh vẫn hoạt động bình thường. Xe công nông do V điều khiển có giảm tốc độ. Tuy nhiên, do V điều khiển xe với tốc độ nhanh và đánh lái sang trái nhưng không làm chủ được tay lái nên xe công nông do V điều khiển đã lao về phía dốc bên trái đường theo hướng đi của xe công nông. Thấy xe công nông do mình điều khiển đã sắp lao xuống dốc nên V hô anh M nhảy ra khỏi xe công nông, rồi V nhảy ra khỏi xe công nông. Xe công nông do V điều khiển, chở theo anh M đã lao xuống dốc và đâm vào hàng rào sắt khu dự án vui chơi trẻ em bên trái đường, làm anh M bị thương và tử vong sau đó.

Lời khai của V phù hợp với các tài liệu do Cơ quan điều tra thu thập được.

Về dân sự: Trần Quang V đã bồi thường cho gia đình anh M tiền khám chữa, điều trị tại bệnh viện và tiền mai táng. Ông Trần Ngọc K đã hỗ trợ, bồi thường cho gia đình anh M số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền bồi thường, gia đình anh M không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối V.

Nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông nói trên là do Trần Quang V điều khiển xe công nông (xe ba bánh tự chế), chở theo anh Nguyễn Tiến M ngồi phía sau thùng xe, đi với tốc độ nhanh, không phù hợp với điều kiện thời tiết trời mưa nhỏ, mặt đường ướt và hẹp, hai bên đường là dốc đất thấp đã phạm khoản 11 Điều 5 thông tư 91/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ giao thông vận tải, vi phạm khoản 01 Điều 12 Luật giao thông đường bộ dẫn đến V không làm chủ được tay lái nên xe công nông do V điều khiển đã lao xuống dốc vệ cỏ bên trái đường, làm anh M bị thương và tử vong sau đó.

Xe công nông (xe ba bánh tự chế) do V điều khiển là loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đã bị cấm lưu hành kể từ ngày 01/01/2008. Nghị Quyết số 32/2007/NQ-CP của Chính phủ đã quy định: *"Từ ngày 01 tháng 01 năm 2008, đình chỉ lưu hành ô tô đã hết niên hạn sử dụng, xe công nông, xe tự chế 3, 4 bánh. Trường hợp cố tình vi phạm sẽ bị tịch thu xử lý bán phế liệu, sung vào công quỹ."*. Do đó, đối với xe công nông do V điều khiển Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không tổ chức đào tạo lái xe, sát hạch và cấp giấy phép lái xe cho những người điều khiển loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ này. Đồng thời, căn cứ vào kiểu loại, công suất động cơ, tải trọng và công dụng của xe công nông do V điều khiển đối chiếu với các loại xe cơ giới được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 46/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ thấy: Loại xe công nông do V điều khiển không thuộc loại xe cơ giới được cấp giấy phép lái xe theo các hạng giấy phép lái xe quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật giao thông đường bộ. Do đó, hành vi điều khiển xe công nông của V như đã nêu trên không thuộc trường hợp "Không có giấy phép lái xe theo quy định" theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ và điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Đối với ông Trần Ngọc K là chủ nguồn nguy hiểm cao độ, đưa xe cơ giới đã bị cấm lưu hành, không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ đã vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Tuy nhiên, nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông nói trên không xuất phát từ tình trạng an toàn, tiêu chuẩn, kỹ thuật xe, mà do lỗi của Trần Quang V khi điều khiển xe công nông với tốc độ nhanh, không làm chủ được tay lái đã dẫn đến điều khiển xe công nông lao xuống vệ đường. Đồng thời, hành vi điều khiển xe công nông của V như đã nêu trên không thuộc trường hợp "Không có giấy phép lái xe theo quy định" theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ và điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự nên hành vi của ông Khiêm không cấu thành tội phạm. Do thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đối với ông K đã hết nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện T không xử lý.

Bản cáo trạng số 165/CT - VKS - TT ngày 20/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Trần Quang V về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà:

Bị cáo Trần Quang V thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố đối với bị cáo là đúng. Khi được nói lời sau cùng bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn.

- Đại diện bị hại có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình điều tra.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Ngọc K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Quang V từ 12 đến 18 tháng tù.

Về dân sự: Trần Quang V đã đã bồi thường cho gia đình anh M tiền khám chữa, điều trị tại bệnh viện và tiền mai táng. Ông Trần Ngọc K đã hỗ trợ, bồi thường cho gia đình anh M số tiền 100.000.000 đồng. Sau nhận tiền bồi thường, gia đình anh M không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối V nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Chiếc xe công nông thuộc sở hữu của ông Trần Ngọc K là phương tiện bị cấm lưu hành nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu xử lý bán phế liệu, sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 08 giờ 30 ngày 29/4/2018, tại đường liên thôn thuộc xã Y, huyện T, Hà Nội, Trần Quang V điều khiển xe công nông, chở theo anh Nguyễn Tiến M ngồi ở phía sau thùng xe, đi theo hướng kênh xã Y đi UBND xã Y. Do V điều khiển xe công nông với tốc độ nhanh không làm chủ được tay lái dẫn đến xe công nông do V điều khiển đã lao xuống dốc bên trái đường, làm anh M bị thương và tử vong sau đó. Hành vi điều khiển công nông tự chế (là phương tiện bị cấm lưu hành) tham gia giao thông của V đã vi phạm Nghị quyết số 32/2007/NQ - CP ngày 29/6/2007 của Chính phủ. Khi tham gia giao thông trong điều kiện trời mưa, mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, cát bụi rơi vãi nhưng không giảm tốc độ đến mức thấp nhất an toàn vi phạm khoản 11 Điều 5 Thông tư liên tịch số 91/2015/TT – BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải, vi phạm khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 46/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ: Loại xe công nông do V điều khiển không thuộc loại xe cơ giới được cấp giấy phép lái xe theo các hạng giấy phép lái xe quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật giao thông đường bộ. Vì vậy, hành vi điều khiển xe công nông của V không thuộc trường hợp "Không có giấy phép lái xe theo quy định" theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ nên không phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Do hậu quả vụ tai nạn giao thông làm chết một người nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015

sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

3. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Bị cáo đã bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Tiến M tiền khám chữa, điều trị tại bệnh viện và tiền mai táng, ông Trần Ngọc K đã hỗ trợ, bồi thường cho gia đình ông M số tiền 100.000.000 đồng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Quá trình điều tra, gia đình bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

4. Về nhân thân bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự lần đầu phạm tội.

5. Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình ông M tiền khám chữa, điều trị tại bệnh viện và tiền mai táng, ông Trần Ngọc K đã hỗ trợ, bồi thường cho gia đình ông M số tiền 100.000.000 đồng. Sau nhận tiền bồi thường, gia đình ông M không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về xử lý vật chứng: Chiếc xe công nông tự chế thuộc sở hữu của ông Trần Ngọc K là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ bị cấm lưu hành theo Nghị quyết số 32/2007/NQ - CP ngày 29/6/2007 của Chính phủ nên cần tịch thu xử lý bán phế liệu, sung công quỹ nhà nước.

Sau khi xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc điều khiển xe công nông tự chế bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện, khi tham gia giao thông không tuân thủ các quy định của pháp luật dẫn đến tai nạn gây thiệt hại về tính mạng người khác, gây ra đau thương, mất mát cho gia đình bị hại. Lỗi trong vụ tai nạn hoàn toàn thuộc về bị cáo. Trong giai đoạn hiện nay liên tục xảy ra các vụ tai nạn giao thông chết người do các phương tiện giao thông tự chế gây ra làm dư luận xã hội bức xúc do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội, nâng cao ý thức trách nhiệm của người tham gia giao thông. Tuy nhiên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xét bị cáo lần đầu phạm tội, đã khắc phục hậu quả và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đối với ông Trần Ngọc K là chủ xe công nông có hành vi đưa phương tiện cơ giới bị cấm lưu hành, không bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường tham gia giao thông đường bộ đã vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật giao thông đường bộ. Tuy nhiên, nguyên nhân vụ tai nạn giao thông là do lỗi điều khiển phương tiện của Trần Quang V mà không do phương tiện không đảm bảo an toàn mà. Hành vi điều khiển xe công nông của V không thuộc trường hợp "Không có giấy phép lái xe theo quy định" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật

hình sự nên hành vi của ông K không cấu thành tội phạm. Do thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đối với ông K đã hết nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Trì không xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo Điều 331, 334 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: ***Bị cáo Trần Quang V phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".***

2. **Áp dụng:** ***Khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự.***

Xử phạt bị cáo Trần Quang V **10 (Mười)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng : Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 32/2007/NQ - CP ngày 29/6/2007 của Chính phủ:

Tịch thu xử lý bán phế liệu, sung công quỹ nhà nước chiếc xe công nông tự chế thu giữ của ông Trần Ngọc Khiêm hiện đang lữu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/11/2019.

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án. Ông Trần Ngọc Khiêm có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân H. T, TP Hà Nội;*
- *Công an huyện T, TP Hà Nội;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự H.T, TP Hà Nội;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự H. T, TP Hà Nội;*
- *Bị cáo;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nguyễn Văn Chương